TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày 31 – 5 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Hữu Vinh.
2. Ông Y Mưng Niê.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/HS-ST, ngày 10 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST–HS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quốc C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công S và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Xuân H (tên gọi khác: T), sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị H; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1996 – có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Bùi Quốc C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 09/3/2023, C đi đến khu vực thôn N, xã C, huyện K, phát hiện trước sân nhà anh Trần Văn P có dựng chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850, nhãn hiệu DAME, màu sơn nâu, trên xe có gắn chìa khoá xe. Quan sát thấy không có người trong coi C vào trong sân dắt xe mô tô biển số 47H4-3850 ra đường rồi nổ máy chạy về nhà C ở thôn K, xã C cất giấu. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/3/2023 C kể lại cho Hoàng Xuân H (là bạn của C, vì trước đó H ngủ tại nhà C) biết việc đã trộm cắp được chiếc mô tô và hỏi H biết chỗ nào mua xe để mang đi bán. Biết rõ là tài sản do C phạm tội mà có, H nói mang xe đến xã E, huyện K bán. Sau đó C điều khiển xe mô tô biển số 47H4-3850 chở H tới tiệm sửa xe máy ở buôn W, xã E, huyện K gặp anh Nguyễn Chí T nói xe của gia đình do cần tiền nên muốn bán. Vì không biết là tài sản do phạm tội mà có nên anh T đồng ý mua xe với giá 1.100.000 đồng. Sau khi nhận tiền bán xe C và H đã chia nhau tiêu xài hết. Do sự việc bị Công an phát hiện nên C và H đã đến Công an huyện Krông Búk đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ từ anh Nguyễn Chí T chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850.

Kết luận định giá tài sản số 14 ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk, kết luận: 01 xe mô tô biển số 47H4-3850, nhãn hiệu DAME, màu sơn nâu, trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 47H4-3850, nhãn hiệu DAME, màu sơn nâu. Sau khi xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850 cho anh Trần Văn P là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn P không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí T yêu cầu các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H phải trả lại số tiền 1.100.000 đồng đã mua xe mô tô biển số 47H4-3850.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS, ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Bùi Quốc C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Hoàng Xuân H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, chứng minh các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Bùi Quốc C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Hoàng Xuân H phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc C từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn P không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Buộc các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H phải liên đới bồi thường số tiền 1.100.000 đồng đã bán xe mô tô biển số 47H4-3850 cho anh Nguyễn Chí T, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 550.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850 cho anh Trần Văn P là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Chí T là người đã mua xe mô tô biển số 47H4-3850 nhưng không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Quốc C và bị cáo Hoàng Xuân H khai nhận: Vào sáng ngày 09/3/2023 tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Bùi Quốc C đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850 của anh Trần Văn P, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 5.000.000 đồng. Biết rõ là tài sản do C phạm tội mà có nhưng Hoàng Xuân H cùng C đã đem bán chiếc xe trộm cắp được cho anh Nguyễn Chí T ở buôn W, xã , huyện K, tỉnh Đắk Lắk được số tiền 1.100.000 đồng và chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Hành vi của bị cáo Bùi Quốc C đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Hành vi của bị cáo Hoàng Xuân H đã phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Tại khoản 1 Điều 323 BLHS quy định:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chúa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Bùi Quốc C là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm hại trực tiếp đến tài sản, lợi ích kinh tế của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu tình hình anh ninh trật tự tại địa phương. Đối với bị cáo Hoàng Xuân H, khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức hình phạt theo quy định của Điều luật tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Quốc C phạm tội gây thiệt hại không lớn; các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850 cho anh Trần Văn P là chủ sở hữu hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn P không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Anh Nguyễn Chí T yêu cầu các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H phải trả lại số tiền 1.100.000 đồng đã mua xe mô tô biển số 47H4-3850. Vì vậy cần buộc các bị cáo phải

liên đới trả lại số tiền nói trên cho anh T, chia theo phần mỗi bị cáo phải chịu 550.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Bùi Quốc C** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; bị cáo **Hoàng Xuân H** phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Quốc C** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 09/3/2023.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Xuân H** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 09/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn P không có yêu cầu nên không xem xét.

Buộc các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H phải liên đới trả lại số tiền 1.100.000 đồng cho anh Nguyễn Chí T. Chia theo phần mỗi bị cáo phải chịu số tiền 550.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk trả lại chiếc xe mô tô biển số 47H4-3850 cho anh Trần Văn P là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Quốc C và Hoàng Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Anh Thái

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Công an huyện Krông Búk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu HS-VP.*